

Số: 06 /2015/TT-TTCP

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2015

THÔNG TƯ

Quy định về rà soát, hệ thống hóa, pháp điển, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc trách nhiệm của Thanh tra Chính phủ

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 63/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 83/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Tổng Thanh tra Chính phủ ban hành Thông tư quy định về rà soát, hệ thống hóa, pháp điển, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc trách nhiệm của Thanh tra Chính phủ.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về rà soát, hệ thống hóa, pháp điển, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc trách nhiệm của Thanh tra Chính phủ.

2. Việc rà soát, hệ thống hóa, pháp điển, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc trách nhiệm của Thanh tra Chính phủ có nội dung thuộc bí mật nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các vụ, cục, đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ giúp Tổng Thanh tra thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo quy định từ khoản 1 đến khoản 19 Điều 3 Nghị định số 83/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ (sau đây gọi chung là đơn vị); các tổ chức, cá nhân có liên quan về rà soát, hệ thống hóa, pháp điển, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực thuộc trách nhiệm của Thanh tra Chính phủ.

Điều 3. Gửi và tiếp nhận văn bản quy phạm pháp luật để kiểm tra

Các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 13; khoản 1 và khoản 2 Điều 21 Thông tư này, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày văn bản được ký ban hành, đơn vị chủ trì soạn thảo (đối với văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Thanh tra Chính phủ) hoặc cơ quan ban hành văn bản (đối với văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của các bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) có trách nhiệm gửi Thanh tra Chính phủ 01 bản (qua Vụ Pháp chế) để tổ chức kiểm tra.

Điều 4. Cộng tác viên rà soát, hệ thống hoá, pháp điển, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật

1. Cộng tác viên rà soát, hệ thống hoá, pháp điển, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Có trình độ, hiểu biết pháp luật, hiểu biết về một hoặc các lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng;

b) Có kinh nghiệm về công tác xây dựng và kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá, pháp điển văn bản quy phạm pháp luật;

c) Có thâm niên công tác thuộc lĩnh vực đang đảm nhiệm từ 03 năm trở lên.

2. Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ rà soát, hệ thống hoá, pháp điển, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, cộng tác viên có thể được lựa chọn ở các đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ hoặc các cơ quan, tổ chức khác. Vụ Pháp chế lập danh sách cộng tác viên trên cơ sở đề xuất của các đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ và các cơ quan, tổ chức có liên quan trình Tổng Thanh tra Chính phủ quyết định.

Điều 5. Cơ sở dữ liệu phục vụ rà soát, hệ thống hóa, pháp điển, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật; theo dõi thi hành pháp luật

Vụ Pháp chế có trách nhiệm xây dựng, quản lý, thường xuyên cập nhật cơ sở dữ liệu làm cơ sở pháp lý phục vụ cho việc rà soát, hệ thống hóa pháp điển, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; theo dõi thi hành pháp luật trong lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

Chương II
RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HOÁ, PHÁP ĐIỂN
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Mục I
RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HOÁ
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 6. Văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền rà soát, hệ thống hoá của Thanh tra Chính phủ

Văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền rà soát, hệ thống hoá của Thanh tra Chính phủ là các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung điều chỉnh lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, bao gồm:

1. Luật, Nghị quyết của Quốc hội;
2. Pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội; nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban thường vụ Quốc hội với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
3. Lệnh, Quyết định của Chủ tịch nước;
4. Nghị định của Chính phủ;
5. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
6. Thông tư, Thông tư liên tịch của Tổng Thanh tra Chính phủ;
7. Thông tư, Thông tư liên tịch của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ có nội dung liên quan đến lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng;
8. Nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
9. Các văn bản quy phạm pháp luật khác (trừ Hiến pháp) có nội dung liên quan đến lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng do các cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Điều 7. Trách nhiệm rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật của các đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ

1. Vụ trưởng Vụ Pháp chế có trách nhiệm:
 - a) Làm đầu mối tổ chức rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ; phối hợp với các đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ đề xuất xử lý kết quả rà soát; tổng hợp kết quả rà soát, hệ thống hoá chung của Thanh tra Chính phủ;

b) Hướng dẫn về nghiệp vụ, đơn đốc, kiểm tra hoạt động rà soát, hệ thống hóa của các đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ;

c) Trình Tổng Thanh tra Chính phủ quyết định công bố:

Danh mục văn bản do Thanh tra Chính phủ ban hành hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là Nghị định số 16/2013/NĐ-CP);

Kết quả hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 25 Nghị định số 16/2013/NĐ-CP.

2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm:

a) Thực hiện rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách; gửi hồ sơ rà soát lấy ý kiến Vụ Pháp chế theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 09/2013/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 16/2013/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Thông tư số 09/2013/TT-BTP); tổng hợp kết quả và có báo cáo gửi về Thanh tra Chính phủ (qua Vụ Pháp chế) theo thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 34 Thông tư này.

Trong trường hợp tổ chức rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật để phục vụ công tác soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật hoặc thực hiện nhiệm vụ đột xuất theo yêu cầu của Tổng Thanh tra Chính phủ hoặc các đơn vị có thẩm quyền, việc rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật phải được thực hiện kịp thời và có báo cáo theo nhiệm vụ hoặc kế hoạch được phê duyệt;

b) Chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế đề xuất xử lý kết quả rà soát; xây dựng dự thảo văn bản đề đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ, thay thế, sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật được rà soát hoặc ban hành văn bản mới trong trường hợp kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực được giao quản lý đã được Tổng Thanh tra Chính phủ phê duyệt.

Điều 8. Trình tự, thủ tục, thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật

Trình tự, thủ tục, thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng được quy định tại các điều 5, 6, 7, 8 và 9 Thông tư số 09/2013/TT-BTP.

Điều 9. Trình tự, thủ tục hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

Trình tự, thủ tục hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 16/2013/NĐ-CP và Điều 18 Thông tư số 09/2013/TT-BTP.

Mục II
PHÁP ĐIỂN
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 10. Văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền pháp điển của Thanh tra Chính phủ

1. Thực hiện pháp điển đối với quy phạm pháp luật trong văn bản quy phạm pháp luật do Thanh tra Chính phủ ban hành hoặc chủ trì soạn thảo;
2. Pháp điển đối với quy phạm pháp luật do cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình điều chỉnh những vấn đề về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

Điều 11. Trách nhiệm pháp điển văn bản quy phạm pháp luật của các đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ

1. Vụ trưởng Vụ Pháp chế có trách nhiệm:
 - a) Giúp Tổng Thanh tra Chính phủ lập Đề nghị xây dựng đề mục;
 - b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng, trình Tổng Thanh tra Chính phủ ban hành kế hoạch chung để thực hiện pháp điển và phân công đơn vị thực hiện; theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch;
 - c) Tổ chức kiểm tra kết quả pháp điển của Thanh tra Chính phủ;
 - d) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thuộc Thanh tra Chính phủ ký hợp đồng và quản lý đội ngũ cộng tác viên thực hiện pháp điển.
2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm:
 - a) Cử công chức phối hợp với Vụ Pháp chế thực hiện pháp điển văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách;
 - b) Phối hợp với Vụ Pháp chế trong trường hợp phát hiện có quy phạm pháp luật mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không còn phù hợp với thực tế trong văn bản do mình soạn thảo trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc trong văn bản quy phạm pháp luật liên tịch do mình chủ trì soạn thảo để xử lý theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật trước khi sắp xếp các quy phạm pháp luật vào đề mục.

Điều 12. Nội dung, trình tự, thủ tục pháp điển

Nội dung, trình tự, thủ tục pháp điển văn bản quy phạm pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng thực hiện theo quy định tại Thông tư 13/2014/TT-BTP của Bộ Tư pháp ngày 29 tháng 04 năm 2014 về hướng dẫn việc thực hiện pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật.

Chương III

KIỂM TRA, XỬ LÝ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

MỤC 1

TỰ KIỂM TRA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT, XỬ LÝ VĂN BẢN TRÁI PHÁP LUẬT

Điều 13. Các loại văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền tự kiểm tra của Thanh tra Chính phủ

Văn bản quy phạm pháp luật do Tổng Thanh tra Chính phủ ban hành dưới hình thức Thông tư, Thông tư liên tịch với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

Điều 14. Trách nhiệm tự kiểm tra, xử lý văn bản

1. Vụ trưởng Vụ Pháp chế có trách nhiệm:

a) Làm đầu mối, giúp Tổng thanh tra Chính phủ tổ chức tự kiểm tra các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền tự kiểm tra của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định tại Điều 13 Thông tư này;

b) Tổ chức tự kiểm tra văn bản do Vụ Pháp chế chủ trì soạn thảo và đề xuất hình thức xử lý đối với văn bản có nội dung trái pháp luật;

c) Gửi thông báo đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo thuộc Thanh tra Chính phủ hoặc kiến nghị Tổng Thanh tra Chính phủ thông báo tới đơn vị ban hành văn bản có dấu hiệu trái pháp luật để tổ chức tự kiểm tra đối với văn bản có dấu hiệu trái pháp luật đó;

d) Tham gia xử lý và giải trình; theo dõi kết quả tự kiểm tra, xử lý văn bản có nội dung trái pháp luật của đơn vị chủ trì soạn thảo thuộc Thanh tra Chính phủ;

Trường hợp đơn vị đã ban hành văn bản không kiểm tra, xử lý hoặc kết quả xử lý không đáp ứng yêu cầu của Tổng Thanh tra Chính phủ thì Vụ trưởng Vụ Pháp chế có trách nhiệm tham mưu giúp Tổng Thanh tra Chính phủ biện pháp xử lý theo thẩm quyền đối với văn bản có nội dung trái pháp luật.

2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm:

a) Tự tổ chức, kiểm tra hoặc phối hợp với Vụ Pháp chế tiến hành tự kiểm tra đối với các văn bản do đơn vị mình chủ trì soạn thảo quy định tại Điều 13 Thông tư này;

b) Phối hợp với Vụ Pháp chế đề xuất việc xử lý văn bản có dấu hiệu trái pháp luật do đơn vị mình chủ trì soạn thảo và dự thảo nội dung văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản có dấu hiệu trái pháp luật;

c) Tổng hợp, báo cáo kết quả tự kiểm tra theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Thông tư này.

Điều 15. Trình tự thực hiện tự kiểm tra của Vụ Pháp chế

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày văn bản do Vụ Pháp chế chủ trì soạn thảo được ban hành hoặc kể từ ngày Vụ Pháp chế tiếp nhận văn bản kiểm tra, Vụ trưởng Vụ Pháp chế có trách nhiệm tổ chức tự kiểm tra văn bản.

2. Đối với văn bản khi kiểm tra phát hiện có dấu hiệu trái pháp luật, người kiểm tra lập hồ sơ về văn bản có nội dung trái pháp luật. Hồ sơ gồm:

- a) Cơ sở pháp lý để kiểm tra;
- b) Phiếu kiểm tra văn bản theo mẫu số 01/BTP/KTrVB ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BTP ngày 30/11/2010 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi chung là Thông tư số 20/2010/TT-BTP);
- c) Văn bản được kiểm tra;
- d) Báo cáo kết quả tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật. Nội dung Báo cáo kết quả tự kiểm tra thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi chung là Nghị định số 40/2010/NĐ-CP);
- đ) Các văn bản làm cơ sở pháp lý để xác định nội dung trái pháp luật;
- e) Dự thảo văn bản xử lý văn bản có nội dung trái pháp luật;
- g) Dự thảo văn bản bổ sung, sửa đổi, thay thế (nếu có);
- h) Các tài liệu khác có liên quan đến việc xử lý văn bản.

3. Trên cơ sở kết quả tự kiểm tra, Vụ trưởng Vụ Pháp chế ký báo cáo kết quả tự kiểm tra và đề xuất hình thức xử lý (đối với văn bản do Vụ Pháp chế chủ trì soạn thảo) hoặc gửi thông báo cho đơn vị chủ trì soạn thảo thuộc Thanh tra Chính phủ về nội dung trái pháp luật của văn bản để tiến hành tự kiểm tra, đề xuất hình thức xử lý.

4. Trong quá trình Vụ Pháp chế tiến hành tự kiểm tra văn bản, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu và giải trình các vấn đề liên quan đến nội dung văn bản được kiểm tra theo yêu cầu của Vụ Pháp chế trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.

Điều 16. Trình tự thực hiện tự kiểm tra của đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản thuộc Thanh tra Chính phủ

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày văn bản được ký ban hành hoặc kể từ ngày nhận được thông báo của Vụ Pháp chế quy định tại Khoản 3 Điều 15 Thông tư này, Thủ trưởng đơn vị chủ trì soạn thảo tổ chức thực hiện tự kiểm tra. Tùy theo yêu cầu của văn bản được kiểm tra, Thủ trưởng đơn vị tự kiểm tra quyết định mời cộng tác viên tham gia kiểm tra văn bản.

2. Người được phân công kiểm tra văn bản có trách nhiệm nghiên cứu, kiểm tra văn bản và quy trình xây dựng, ban hành văn bản để xem xét, đánh giá và kết luận về tính hợp pháp của văn bản được kiểm tra.

3. Đối với Thông tư liên tịch, phạm vi kiểm tra tập trung vào các nội dung thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ. Trong trường hợp cần thiết, đơn vị tự kiểm tra phối hợp với các cơ quan chuyên môn đã liên tịch xây dựng văn bản để kiểm tra toàn bộ nội dung và quy trình xây dựng, ban hành văn bản.

4. Khi phát hiện dấu hiệu trái pháp luật của văn bản, người được phân công kiểm tra văn bản có trách nhiệm lập hồ sơ về văn bản có dấu hiệu trái pháp luật theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Thông tư này trình Thủ trưởng đơn vị tự kiểm tra.

5. Khi nhận được hồ sơ kiểm tra, Thủ trưởng đơn vị tự kiểm tra xem xét, ký báo cáo kết quả tự kiểm tra. Trong trường hợp cần thiết có thể tổ chức thảo luận trong đơn vị hoặc với các đơn vị có liên quan trước khi ký báo cáo kết quả tự kiểm tra.

6. Đơn vị tự kiểm tra báo cáo Tổng Thanh tra Chính phủ bằng văn bản, đồng thời chuyển toàn bộ hồ sơ kết quả tự kiểm tra văn bản có dấu hiệu trái pháp luật đến Vụ Pháp chế.

Điều 17. Trình tự thực hiện phối hợp tự kiểm tra văn bản có dấu hiệu trái pháp luật

1. Đối với văn bản có dấu hiệu trái pháp luật theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền hoặc có kiến nghị gửi đến Thanh tra Chính phủ yêu cầu tự kiểm tra, Vụ trưởng Vụ Pháp chế tổ chức tự kiểm tra hoặc gửi thông báo cho Thủ trưởng đơn vị chủ trì soạn thảo thuộc Thanh tra Chính phủ thực hiện tự kiểm tra. Trình tự, thủ tục thực hiện tự kiểm tra theo quy định tại các Điều 15 và Điều 16 Thông tư này.

2. Đối với các văn bản có dấu hiệu trái pháp luật được Thủ trưởng đơn vị chủ trì soạn thảo tổ chức tự kiểm tra, Thủ trưởng đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm phối hợp với Vụ Pháp chế làm rõ các nội dung có dấu hiệu trái pháp luật của văn bản, biện pháp xử lý và chuẩn bị văn bản xử lý.

Trường hợp Vụ Pháp chế và đơn vị chủ trì soạn thảo không thống nhất ý kiến, đơn vị chủ trì soạn thảo phải có văn bản trình bày rõ quan điểm gửi Vụ Pháp chế đề tổng hợp, báo cáo Tổng Thanh tra Chính phủ theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Thông tư này.

3. Đối với văn bản có nội dung trái pháp luật mà biện pháp xử lý được đề xuất là sửa đổi một phần hoặc toàn bộ nội dung của văn bản thì trong thời hạn 15 ngày làm việc, đơn vị chủ trì soạn thảo phải dự thảo văn bản sửa đổi hoặc thay thế. Trường hợp văn bản có nội dung phức tạp, cần có thêm thời gian nghiên cứu để dự thảo văn bản sửa đổi thì đơn vị chủ trì soạn thảo phải có văn

bản nêu rõ lý do và xác định thời hạn trình văn bản, đồng thời kiến nghị đình chỉ thi hành một phần hoặc toàn bộ văn bản có nội dung trái pháp luật.

Điều 18. Báo cáo Tổng Thanh tra Chính phủ kết quả tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật có nội dung trái pháp luật

1. Sau khi thống nhất ý kiến với Vụ Pháp chế, Thủ trưởng đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm báo cáo Tổng Thanh tra Chính phủ bằng văn bản về kết quả tự kiểm tra kèm theo hồ sơ về văn bản quy phạm pháp luật có nội dung trái pháp luật. Sau khi có ý kiến của Tổng Thanh tra Chính phủ, Vụ Pháp chế dự thảo Quyết định xử lý văn bản trái pháp luật trình Tổng Thanh tra Chính phủ ký ban hành.

2. Trong trường hợp các đơn vị chưa thống nhất ý kiến về nội dung trái pháp luật của văn bản hoặc về biện pháp xử lý, Vụ Pháp chế có trách nhiệm báo cáo Tổng Thanh tra Chính phủ bằng văn bản, nêu rõ quan điểm của Vụ Pháp chế, ý kiến của đơn vị chủ trì soạn thảo và các cơ quan khác (trong trường hợp văn bản liên tịch), đồng thời đề xuất phương án giải quyết trình Tổng Thanh tra Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 19. Quyết định xử lý văn bản quy phạm pháp luật có nội dung trái pháp luật

1. Trên cơ sở Báo cáo và hồ sơ về văn bản có nội dung trái pháp luật quy định tại Điều 18 Thông tư này, Tổng Thanh tra Chính phủ xem xét, ký Quyết định xử lý văn bản trái pháp luật.

2. Quyết định xử lý văn bản liên tịch giữa Tổng Thanh tra Chính phủ và Chánh án Toà án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao có nội dung trái pháp luật phải do Tổng Thanh tra Chính phủ và Thủ trưởng cơ quan nêu trên xem xét, cùng ký ban hành.

Điều 20. Thông báo kết quả xử lý văn bản

1. Việc thông báo kết quả xử lý văn bản trái pháp luật thực hiện như sau:

a) Quyết định xử lý văn bản có nội dung trái pháp luật phải được gửi đăng Công báo; đăng trên Trang thông tin điện tử của Thanh tra Chính phủ trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ký;

b) Trường hợp văn bản được kiểm tra và xử lý theo yêu cầu, kiến nghị, thông báo của cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra hoặc của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác thì Quyết định xử lý văn bản trái pháp luật phải đồng thời được gửi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đó;

c) Văn phòng Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm gửi đăng Công báo Quyết định xử lý văn bản trái pháp luật.

2. Đối với văn bản được kiểm tra theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền kiểm tra và kết quả tự kiểm tra cho thấy văn bản được ban hành đúng pháp luật thì Vụ Pháp chế phối hợp với đơn vị đã chủ trì soạn thảo chuẩn bị văn

bản thông báo kết quả kiểm tra trình Tổng Thanh tra Chính phủ gửi cơ quan có thẩm quyền kiểm tra văn bản.

Mục II

KIỂM TRA, XỬ LÝ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THUỘC THẨM QUYỀN

Điều 21. Các loại văn bản thuộc thẩm quyền kiểm tra của Tổng Thanh tra Chính phủ

1. Văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành có quy định liên quan đến lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng;

2. Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành có quy định liên quan đến lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng;

Điều 22. Trách nhiệm kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền

1. Vụ trưởng Vụ Pháp chế có trách nhiệm:

a) Làm đầu mối, giúp Tổng Thanh tra Chính phủ tổ chức kiểm tra các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền kiểm tra của Tổng Thanh tra Chính phủ theo quy định tại Điều 21 Thông tư này;

b) Tham mưu để Tổng Thanh tra Chính phủ thông báo tới cơ quan ban hành văn bản có dấu hiệu trái với quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng;

c) Tham gia, đề xuất việc xử lý văn bản có nội dung trái pháp luật của cơ quan đã ban hành văn bản.

2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm:

a) Tổ chức hoặc phối hợp với Vụ Pháp chế tổ chức kiểm tra đối với các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền kiểm tra của Tổng Thanh tra Chính phủ có liên quan đến ngành, lĩnh vực do đơn vị mình được giao tham mưu quản lý nhà nước;

b) Phối hợp với Vụ Pháp chế đề xuất việc xử lý văn bản có nội dung trái pháp luật có liên quan đến ngành, lĩnh vực do đơn vị mình được giao tham mưu quản lý nhà nước;

c) Tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm tra theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Thông tư này.

Điều 23. Trình tự, thủ tục kiểm tra

Trình tự, thủ tục kiểm tra văn bản theo thẩm quyền của Vụ Pháp chế và các đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 20/2010/TT-BTP.

Điều 24. Tổ chức đoàn kiểm tra theo chuyên đề, địa bàn hoặc theo ngành, lĩnh vực

1. Căn cứ Kế hoạch kiểm tra theo chuyên đề, địa bàn hoặc theo ngành, lĩnh vực được Tổng Thanh tra Chính phủ phê duyệt, Vụ Pháp chế trình Tổng Thanh tra Chính phủ ký Quyết định thành lập đoàn kiểm tra của Thanh tra Chính phủ hoặc đoàn kiểm tra liên ngành (sau đây gọi chung là đoàn kiểm tra).

2. Trình tự, thủ tục thực hiện của Đoàn kiểm tra và cơ quan, đơn vị được kiểm tra:

a) Đoàn kiểm tra gửi văn bản thông báo kế hoạch, nội dung kiểm tra và các yêu cầu cần thiết khác cho cơ quan, đơn vị được kiểm tra trước khi tiến hành kiểm tra ít nhất 05 ngày làm việc;

b) Cơ quan, đơn vị được kiểm tra tập hợp, lập danh mục văn bản và cung cấp văn bản để Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra, báo cáo bằng văn bản theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra;

c) Đoàn kiểm tra làm việc trực tiếp với cơ quan, đơn vị được kiểm tra;

d) Kết thúc đợt kiểm tra, Đoàn kiểm tra báo cáo Tổng Thanh tra Chính phủ kết quả kiểm tra và có thông báo bằng văn bản hoặc Báo cáo kiểm tra gửi cơ quan, đơn vị được kiểm tra.

3. Trường hợp phát hiện văn bản có nội dung trái pháp luật, kết quả kiểm tra được xử lý theo quy định tại Điều 25 Thông tư này.

Điều 25. Xử lý văn bản quy phạm pháp luật trái pháp luật

1. Trường hợp phát hiện văn bản quy phạm pháp luật có nội dung trái pháp luật, Vụ trưởng Vụ Pháp chế báo cáo và kiến nghị Tổng Thanh tra Chính phủ thực hiện thẩm quyền xử lý văn bản theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 40/2010/NĐ-CP.

2. Thủ tục xử lý văn bản quy phạm pháp luật trái pháp luật thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 20, khoản 1 Điều 21 Nghị định số 40/2010/NĐ-CP.

Điều 26. Thông báo kết quả xử lý

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả xử lý của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Vụ Pháp chế có trách nhiệm gửi kết quả xử lý cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã có kiến nghị xử lý văn bản.

Trường hợp văn bản đó đã được đăng trên Công báo thì Quyết định xử lý cũng phải được Văn phòng Thanh tra Chính phủ gửi đăng Công báo.

Chương IV

THEO DÕI TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT

Điều 27. Nội dung theo dõi tình hình thi hành pháp luật

Nội dung theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng thực hiện theo các điều 7, 8, 9 và 10 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật (sau đây gọi tắt là Nghị định số 59/2012/NĐ-CP).

Điều 28. Trách nhiệm theo dõi thi hành pháp luật

1. Vụ trưởng Vụ Pháp chế có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ tham mưu giúp Tổng Thanh tra Chính phủ tổ chức thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng;

b) Tham mưu giúp Tổng Thanh tra Chính phủ xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức khác có liên quan trong việc thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật trong lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng;

c) Làm đầu mối tổng hợp, kiến nghị xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật của Thanh tra Chính phủ theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP;

d) Giúp Tổng Thanh tra Chính phủ hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ trong việc thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật.

2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm:

a) Tham mưu giúp Tổng Thanh tra Chính phủ tổ chức thực hiện các hoạt động theo dõi thi hành pháp luật trong lĩnh vực được giao theo quy định tại các điều 11, 12 và 13 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP;

b) Phối hợp với Vụ Pháp chế tham mưu giúp Tổng Thanh tra Chính phủ xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của mặt trận, các tổ chức khác có liên quan trong việc thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật trong lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng;

c) Phối hợp với Vụ Pháp chế kiến nghị xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật trong lĩnh vực được giao theo quy định tại Điều 31 Thông tư này;

d) Tổng hợp, báo cáo công tác theo dõi thi hành pháp luật trong lĩnh vực được giao theo quy định tại Khoản 1 Điều 33 Thông tư này.

Điều 29. Thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật

1. Đơn vị được giao tổng hợp thông tin về tình hình thi hành pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo các nội dung sau đây:

a) Số lượng, hình thức và tên văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật; số lượng, hình thức và tên văn bản ban hành chậm tiến độ và lý do chậm tiến độ; số lượng văn bản không thống nhất, không đồng bộ và tính khả thi không cao;

b) Nội dung, hình thức tập huấn, phổ biến pháp luật đã được thực hiện; thực trạng về tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực, các điều kiện về kinh phí và cơ sở vật chất bảo đảm cho thi hành pháp luật;

c) Tình hình hướng dẫn áp dụng pháp luật, tình hình áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền;

d) Tình hình xử lý vi phạm pháp luật.

2. Đơn vị được giao thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông tin do tổ chức, cá nhân cung cấp

Tổ chức, cá nhân có thể trực tiếp cung cấp thông tin về tình hình thi hành pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng hoặc qua Trang thông tin điện tử của Thanh tra Chính phủ.

Thông tin được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông tin do tổ chức, cá nhân cung cấp phải được kiểm tra, đối chiếu trước khi sử dụng để đánh giá tình hình thi hành pháp luật.

3. Việc thu thập thông tin tình hình thi hành pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng có thể được thực hiện thông qua phiếu khảo sát, tọa đàm, phỏng vấn trực tiếp và các hình thức phù hợp khác.

Điều 30. Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật

1. Đơn vị được giao kiểm tra tình hình thi hành pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm được quy định tại Điều 5 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP nhằm kịp thời phát hiện khó khăn, vướng mắc, hạn chế trong thi hành pháp luật và khiếm khuyết, bất cập của hệ thống pháp luật.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng kiểm tra có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu của cơ quan tiến hành kiểm tra theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật

Việc xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 32. Xây dựng và thực hiện kế hoạch kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; theo dõi tình hình thi hành pháp luật; rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

1. Vụ Pháp chế có trách nhiệm:

a) Xây dựng trình Tổng Thanh tra ban hành các kế hoạch của Thanh tra Chính phủ theo định kỳ, hàng năm hoặc theo chuyên đề, địa bàn hoặc theo ngành, lĩnh vực; chủ trì và phối hợp với các đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ tổ chức thực hiện kế hoạch, bao gồm:

- Kế hoạch kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật;
- Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật;
- Kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật;
- Kế hoạch hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;
- Kế hoạch pháp điển văn bản quy phạm pháp luật.

Trong trường hợp xây dựng kế hoạch hàng năm, có thể kết hợp xây dựng nhiều kế hoạch với nhau; không xây dựng nhiều kế hoạch với nội dung hoạt động trùng, lặp.

b) Tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện các kế hoạch.

2. Các đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ căn cứ vào các kế hoạch quy định tại khoản 1 Điều này để xây dựng kế hoạch của đơn vị mình; phối hợp với Vụ Pháp chế tổ chức, thực hiện kế hoạch do Thanh tra Chính phủ và đơn vị mình ban hành; tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện kế hoạch.

Điều 33. Chế độ báo cáo công tác kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; theo dõi tình hình thi hành pháp luật; rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

1. Báo cáo 6 tháng, 1 năm về công tác kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; theo dõi tình hình thi hành pháp luật; rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của các đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ gửi Tổng Thanh tra Chính phủ (qua Vụ Pháp chế) (sau đây gọi chung là báo cáo 6 tháng, báo cáo 1 năm).

2. Thời hạn gửi báo cáo: Báo cáo 6 tháng gửi chậm nhất ngày 01 tháng 6 hàng năm; Báo cáo 1 năm gửi chậm nhất ngày 05 tháng 10 hàng năm.

3. Vụ Pháp chế chủ trì tổng hợp, xây dựng Báo cáo của Thanh tra Chính phủ về công tác kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; theo dõi tình hình

thi hành pháp luật; rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật gửi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 34. Nguồn lực, điều kiện đảm bảo cho công tác rà soát, hệ thống hóa, pháp điển, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; theo dõi thi hành pháp luật

1. Kinh phí đảm bảo cho công tác rà soát, hệ thống hóa, pháp điển, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; theo dõi thi hành pháp luật thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Vụ Kế hoạch, Tài chính và Tổng hợp, Văn phòng Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm bố trí kinh phí, phương tiện cho công tác rà soát, hệ thống hóa, pháp điển, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; theo dõi thi hành pháp luật trên cơ sở đề xuất của Vụ Pháp chế và các đơn vị thực hiện, trình lãnh đạo Thanh tra Chính phủ phê duyệt.

3. Vụ Tổ chức cán bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm bố trí biên chế và phối hợp với Vụ Pháp chế bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức làm công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 35. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 08 tháng 12 năm 2015.

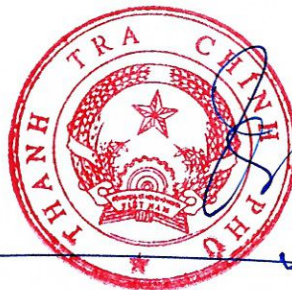
2. Thông tư này thay thế Quyết định số 2014/2007/QĐ-TTCP của Tổng Thanh tra ngày 26/09/2007 Ban hành quy chế kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Tổng Thanh tra.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Thanh tra Chính phủ để nghiên cứu bổ sung, sửa đổi./. *KĐ*

Nơi nhận: *HL*

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng CP;
- Văn phòng TƯ và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tổng Thanh tra Chính phủ;
- Các Phó Tổng Thanh tra Chính phủ;
- Các Bộ, CQ ngang Bộ, CQ thuộc CP;
- UBTU-MTTQVN, Cơ quan TƯ các đoàn thể
- Hội đồng Dân tộc, các UB của Quốc hội;
- HĐND, UBND tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra VBQPPL Bộ TP;
- Thanh tra các Bộ, ngành Trung ương;
- Thanh tra các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Cổng Thông tin điện tử của TTCP;
- Các vụ, cục, đơn vị của TTCP;
- Lưu: VT, PC.

TỔNG THANH TRA



Huỳnh Phong Tranh